

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA  
NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hữu Hằng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tính	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Ông Phạm Văn Thư	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Phùng Văn Sinh	Ủy viên
Ông Trần Hữu Nam	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Tính	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2013)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Tính**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

01125  
ÔNG  
NHIỆM  
ELOIT  
T N  
ĐA -

Số: 598 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 3 đến trang 20, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 02 năm 2014  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1924-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MÁU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>125.976.266.158</b>	<b>109.391.362.164</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>28.780.680.352</b>	<b>12.886.134.788</b>
1. Tiền	111		1.780.680.352	4.886.134.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.200.000.000	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.878.185.151</b>	<b>94.735.595.828</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	75.235.897.753	94.038.514.285
2. Trả trước cho người bán	132		99.000.000	584.040.578
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		4.136.542.251	-
4. Các khoản phải thu khác	135	8	780.559.901	374.711.337
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(373.814.754)	(261.670.372)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>675.797.239</b>	<b>767.016.763</b>
1. Hàng tồn kho	141		675.797.239	767.016.763
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>441.603.416</b>	<b>2.614.785</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.998.682	2.614.785
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		332.784.734	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		49.820.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>26.527.100.413</b>	<b>21.834.303.431</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.034.616.088</b>	<b>18.553.218.123</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	23.034.616.088	18.275.762.348
- Nguyên giá	222		48.210.975.935	39.869.894.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.176.359.847)	(21.594.131.796)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		49.022.644	49.022.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.022.644)	(49.022.644)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	277.455.775
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>1.646.540.296</b>	<b>2.293.080.591</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.293.080.591	2.293.080.591
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(646.540.295)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.845.944.029</b>	<b>988.004.717</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.845.944.029	988.004.717
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>152.503.366.571</b>	<b>131.225.665.595</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MÁU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>75.455.409.959</b>	<b>60.872.694.017</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>75.455.409.959</b>	<b>60.872.694.017</b>
1. Phải trả người bán	312		20.012.493.561	17.369.797.789
2. Người mua trả tiền trước	313		47.600.000	1.735.408.817
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	14.571.496.836	11.202.351.322
4. Phải trả người lao động	315		36.261.125.341	26.925.763.471
5. Chi phí phải trả	316		218.267.107	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	1.390.468.845	2.097.287.456
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.953.958.269	1.542.085.162
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>77.047.956.612</b>	<b>70.352.971.578</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>77.047.956.612</b>	<b>70.352.971.578</b>
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.256.669.000	1.576.707.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.324.561.000	1.484.580.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.466.726.612	17.291.684.578
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>152.503.366.571</b>	<b>131.225.665.595</b>



Nguyễn Văn Tinh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Đặng Thị Nhài  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
<b>1 Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>237.739.932.548</b>	<b>214.328.532.518</b>
<b>2 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>237.739.932.548</b>	<b>214.328.532.518</b>
3 Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		188.746.475.247	174.390.596.435
<b>4 Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>48.993.457.301</b>	<b>39.937.936.083</b>
5 Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.518.437.905	1.383.129.776
6 Chi phí tài chính	22	17	646.540.295	-
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.776.964.954	18.498.714.249
<b>8 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25)</b>	<b>30</b>		<b>26.088.389.957</b>	<b>22.822.351.610</b>
9 Thu nhập khác	31		141.326.192	561.549.888
10 Chi phí khác	32		95.345.063	865.600.854
<b>11 Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>45.981.129</b>	<b>(304.050.966)</b>
<b>12 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>26.134.371.086</b>	<b>22.518.300.644</b>
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	6.994.922.970	5.718.681.149
<b>14 Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>19.139.448.116</b>	<b>16.799.619.495</b>
<b>15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>20</b>	<b>3.828</b>	<b>3.360</b>



**Nguyễn Văn Tĩnh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

**Đặng Thị Nhài**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>26.134.371.086</b>	<b>22.518.300.644</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>5.452.130.098</b>	<b>3.534.269.133</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.211.883.326	4.655.728.537
- Các khoản dự phòng	03	758.684.677	261.670.372
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.518.437.905)	(1.383.129.776)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>31.586.501.184</b>	<b>26.052.569.777</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	15.005.844.893	(17.098.957.511)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	91.219.524	(160.966.877)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.930.751.222	14.141.731.055
- Thay đổi chi phí tài sản ngắn hạn	12	1.292.670.409	364.094.741
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.758.455.877)	(3.984.943.141)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.028.965.455)	(3.865.493.963)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>49.119.565.900</b>	<b>15.448.034.081</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.900.274.909)	(6.791.977.224)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(15.200.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	875.254.573	1.473.990.887
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(27.225.020.336)</b>	<b>(1.317.986.337)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(6.000.000.000)	(5.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.000.000.000)</b>	<b>(5.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>15.894.545.564</b>	<b>8.630.047.744</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>12.886.134.788</b>	<b>4.256.087.044</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>28.780.680.352</b>	<b>12.886.134.788</b>



Nguyễn Văn Tính  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

*Nguyễn Thị Nhài*

Đặng Thị Nhài  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 05 năm 2013.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 850 (31 tháng 12 năm 2012: 836).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay, cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo, vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp, xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông, thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng, kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập ra bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### **Ghi nhận ban đầu**

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

###### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

###### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

###### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

###### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2013</b>
	<b>số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	04 - 19
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị văn phòng	05 - 09

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	94.615.785	59.319.146
Tiền gửi ngân hàng	1.686.064.567	4.826.815.642
Các khoản tương đương tiền (*)	27.000.000.000	8.000.000.000
	<u><b>28.780.680.352</b></u>	<u><b>12.886.134.788</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 07 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương, lãi suất tiền gửi từ 7% đến 9%/năm.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</b>	<b>71.758.421.344</b>	<b>92.589.520.622</b>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	51.559.580.072	83.948.027.711
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	11.445.253.942	4.794.776.790
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	4.483.142.340	3.024.754.915
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	4.270.444.990	821.961.206
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>3.477.476.409</b>	<b>1.448.993.663</b>
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	2.562.285.565	-
Các đối tượng khác	915.190.844	1.448.993.663
	<u><b>75.235.897.753</b></u>	<u><b>94.038.514.285</b></u>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	670.933.332	27.750.000
Phải thu khác	109.626.569	346.961.337
	<u><b>780.559.901</b></u>	<u><b>374.711.337</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	20.545.432
Nguyên liệu, vật liệu	620.290.746	690.159.312
Công cụ, dụng cụ	55.506.493	56.312.019
	<u>675.797.239</u>	<u>767.016.763</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u>675.797.239</u>	<u>767.016.763</u>

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	5.950.465.049	24.561.867.313	6.686.570.691	2.670.991.091	39.869.894.144
Mua trong năm	121.500.000	11.318.319.840	-	585.953.442	12.025.773.282
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	761.138.983	-	-	390.818.419	1.151.957.402
Giảm do kết chuyển sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	111.692.563	3.087.943.168	219.862.628	1.417.150.534	4.836.648.893
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<u>6.721.411.469</u>	<u>32.792.243.985</u>	<u>6.466.708.063</u>	<u>2.230.612.418</u>	<u>48.210.975.935</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	1.793.137.228	13.707.091.728	4.580.545.575	1.513.357.265	21.594.131.796
Khấu hao trong năm	846.452.021	4.391.301.003	704.655.237	269.475.065	6.211.883.326
Giảm do kết chuyển sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	71.789.383	1.445.205.712	148.337.049	964.323.131	2.629.655.275
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<u>2.567.799.866</u>	<u>16.653.187.019</u>	<u>5.136.863.763</u>	<u>818.509.199</u>	<u>25.176.359.847</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<u>4.153.611.603</u>	<u>16.139.056.966</u>	<u>1.329.844.300</u>	<u>1.412.103.219</u>	<u>23.034.616.088</u>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<u>4.157.327.821</u>	<u>10.854.775.585</u>	<u>2.106.025.116</u>	<u>1.157.633.826</u>	<u>18.275.762.348</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.001.487.324 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 4.230.126.904 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	1.293.080.591	1.293.080.591
Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>2.293.080.591</u>	<u>2.293.080.591</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi</i>	(646.540.295)	-
	<u>1.646.540.296</u>	<u>2.293.080.591</u>

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng rằng, vốn góp thực tế của các cổ đông vào Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại vẫn thấp hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của các Công ty này, nên không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư này.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	1.845.944.029	988.004.717
	<u>1.845.944.029</u>	<u>988.004.717</u>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	9.816.003.236	7.579.536.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.755.493.600	3.622.815.179
	<u>14.571.496.836</u>	<u>11.202.351.322</u>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	639.537.180	1.158.265.803
Hoàn thuế thu nhập cá nhân	393.125.984	295.907.437
Quỹ hỗ trợ do cán bộ, nhân viên đóng góp	342.074.206	290.215.509
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	-	191.956.190
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.731.475	160.942.517
	<u>1.390.468.845</u>	<u>2.097.287.456</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>369.085.000</b>	<b>922.463.000</b>	<b>11.476.497.083</b>	<b>62.768.045.083</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.799.619.495	16.799.619.495
Trích quỹ	-	1.207.622.000	562.117.000	(5.484.432.000)	(3.714.693.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>1.576.707.000</b>	<b>1.484.580.000</b>	<b>17.291.684.578</b>	<b>70.352.971.578</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.139.448.116	19.139.448.116
Trích quỹ	-	1.679.962.000	839.981.000	(8.964.406.082)	(6.444.463.082)
Trả cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>3.256.669.000</b>	<b>2.324.561.000</b>	<b>21.466.726.612</b>	<b>77.047.956.612</b>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-NPS-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 5 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012, cụ thể như sau:

- Chia cổ tức:	6.000.000.000 đồng;
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	1.679.962.000 đồng;
- Trích quỹ dự phòng tài chính:	839.981.000 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	5.452.398.000 đồng;
- Trích quỹ thưởng ban điều hành:	500.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-NPS-HĐQT ngày 22 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với số tiền 492.065.082 đồng để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2013	31/12/2012
	VND		VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	25.000.000.000	50	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.458.437.905	1.228.793.255
Cổ tức	60.000.000	154.336.521
	<u>1.518.437.905</u>	<u>1.383.129.776</u>

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	646.540.295	-
	<u>646.540.295</u>	<u>-</u>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	19.962.130.187	16.625.273.063
Chi phí nhân công	155.778.450.451	141.870.579.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.179.335.948	4.623.753.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.917.828.577	13.795.416.912
Chi phí bằng tiền khác	17.685.695.038	13.618.195.585
	<u>212.523.440.201</u>	<u>190.533.219.413</u>

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>26.134.371.086</b>	<b>22.518.300.644</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.845.320.795</b>	<b>356.423.951</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(60.000.000)	(154.336.521)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	1.905.320.795	510.760.472
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.979.691.881</b>	<b>22.874.724.595</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.994.922.970</b>	<b>5.718.681.149</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	19.139.448.116	16.799.619.495
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b><u>3.828</u></b>	<b><u>3.360</u></b>

**21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	406.986.000	201.043.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	393.031.869	201.043.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.572.127.476	804.572.000
Sau năm năm	13.326.869.862	8.649.149.000
	<b><u>15.292.029.207</u></b>	<b><u>9.654.764.000</u></b>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê 62.455 m<sup>2</sup> tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương với giá thuê 3.219 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất có thời hạn 50 năm tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2008, được ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào ngày 12 tháng 8 năm 2009; và

- Số tiền thuê 13.366 m<sup>2</sup> đất khu đồi cao tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương với giá thuê 14.364 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất có thời hạn 44 năm và hết hiệu lực vào ngày 11 tháng 9 năm 2056.

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	28.780.680.352	12.886.134.788
Nợ thuần	(28.780.680.352)	(12.886.134.788)
Vốn chủ sở hữu	<u>77.047.956.612</u>	<u>70.352.971.578</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.780.680.352	12.886.134.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.779.185.151	94.151.555.250
Đầu tư ngắn hạn	16.200.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn	1.646.540.296	2.293.080.591
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>126.406.405.799</u></b>	<b><u>110.330.770.629</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	20.421.351.020	17.826.647.743
Chi phí phải trả	218.267.107	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>20.639.618.127</u></b>	<b><u>17.826.647.743</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường******Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 23.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.780.680.352	-	28.780.680.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.779.185.151	-	79.779.185.151
Đầu tư ngắn hạn	16.200.000.000	-	16.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.646.540.296	1.646.540.296
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.759.865.503</b>	<b>1.646.540.296</b>	<b>126.406.405.799</b>
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	20.421.351.020	-	20.421.351.020
Chi phí phải trả	218.267.107	-	218.267.107
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.639.618.127</b>	<b>-</b>	<b>20.639.618.127</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>104.120.247.376</b>	<b>1.646.540.296</b>	<b>105.766.787.672</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.886.134.788	-	12.886.134.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.151.555.250	-	94.151.555.250
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	2.293.080.591	2.293.080.591
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.037.690.038</b>	<b>2.293.080.591</b>	<b>110.330.770.629</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.826.647.743	-	17.826.647.743
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.826.647.743</b>	<b>-</b>	<b>17.826.647.743</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>90.211.042.295</b>	<b>2.293.080.591</b>	<b>92.504.122.886</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	174.629.328.724	171.445.068.619
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	24.966.943.579	17.225.780.937
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	19.617.503.076	9.325.395.461
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	12.540.258.288	11.228.016.493
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3.885.682.489	2.576.669.779
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	239.973.525	228.867.766
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	76.200.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	34.785.273	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>1.449.810.292</b>	<b>1.475.048.505</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	51.559.580.072	83.948.027.711
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	11.445.253.942	4.794.776.790
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	4.483.142.340	3.024.754.915
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	4.270.444.990	821.961.206
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	740.808.817
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	83.820.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	38.309.700	31.559.000

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



**Nguyễn Văn Tính**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

**Đặng Thị Nhài**  
Kế toán trưởng